TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2019
V/v: "Không công nhận quan hê vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Công Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hiếu; 2. Ông Nguyễn Xuân Ký.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long – Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn chị: Lương Thị Th – Sinh năm 1980 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Hoàng Đức Hiếu, Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh TGPL số 4 – Trung Tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. Bị đơn: Lương Văn C – Sinh năm 1978.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
(Anh Lương Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn C được hai bên gia đình nội ngoại tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào tháng 02 năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối hay ép buộc. Tuy nhiên, do anh chị hạn chế hiểu biết về pháp luật nên từ khi cưới đến nay không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc với nhau

được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến hay cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2018 đến nay chị T và anh C đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay chị T xét thấy tình cảm giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng để anh chị chấm dứt tình trạng sống chung này.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa anh chị có với nhau 02 người con chung: Cháu đầu tên là: Lương Văn L. Giới tính: Nam. Sinh ngày 23/8/2002. Cháu thứ 2 tên là: Lương Thị L1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 24/10/2008. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện tại cháu Lương Thị L1 đang sống cùng chị T tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Còn cháu Lương Văn L đang sống cùng anh C tại Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Ly hôn chị T xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lương Thị L1 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn cháu Lương Văn L giao cho anh C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị T không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và các nghĩa vụ chung: chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Văn C trình bày: Anh C thống nhất như lời trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân và con chung, đồng thời cũng thừa nhận là do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn theo quy định. Đến nay, anh C cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T.

Về con chung: Anh C thống nhất, trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị có với nhau 02 người con chung: Cháu đầu tên là: Lương Văn L. Giới tính: Nam. Sinh ngày 23/8/2002. Cháu thứ 2 tên là: Lương Thị L1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 24/10/2008.Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì.Hiện tại cháu Lương Thị L1 đang sống cùng chị T tại thôn Đ, xã T, huyện , tỉnh Thanh Hóa. Còn cháu Lương Văn L đang sống cùng anh C tại Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Ly hôn anh C xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lương Văn L đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn cháu Lương Thị L1 giao cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh C không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và các nghĩa vụ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, Trưởng thôn Đ và Cán bộ Tư pháp xã T đều trình bày: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn C đều có Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn và UBND xã T cũng chưa làm thủ tục để giới thiệu anh, chị đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại một địa phương nào khác. Sau khi cưới, giữa chị T và anh C sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2018 đến nay chị T và anh C đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Hiện nay cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, mỗi người đã có cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, địa phương cũng mong muốn được Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh C để anh chị chấm dứt cuộc hôn nhân này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: có ý kiến và nêu quan điểm như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh C được hai bên gia đình nội ngoại tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào tháng 02 năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối hay ép buộc. Tuy nhiên, do anh chị hạn chế hiểu biết về pháp luật nên từ khi cưới đến nay vợ chồng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến hay cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2018 đến nay chị T và anh C đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Xét thấy mẫu thuẫn giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa T và anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa chị T và anh C có 02 người con chung: Cháu đầu tên là: Lương Văn L. Giới tính: Nam. Sinh ngày 23/8/2002. Cháu thứ 2 tên là: Lương Thị L1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 24/10/2008. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện tại cháu Lương Thị L1 đang sống cùng vợ chị T tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Còn cháu Lương Văn L đang sống cùng anh C tại Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Cháu Lang Văn L cháu có nguyện vọng xin được ở với bố cháu (anh Lang Văn C).Cháu Lang Thị L1 cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu (chị Lương Thị T).Chị T và anh C thống nhất giao cháu Lang Văn L cho anh Lang Văn C trực tiếp

chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, cháu Lang Thị L1 giao cho chị Lương Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nênNgười bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận về phần con chung của chị T và anh C trong vụ án này.

Về tài sản và các nghĩa vụ chung: Do chị T và anh C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn không có ý kiến gì.

Về án phí: Do chị T là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - là đối tượng được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị định số 326/2016 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp. quản lý, sử dụng án phí và lệ phí. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho chị T.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký và hội thẩm nhân dân chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 73, 227 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 và đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt có lý do (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe) nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng pháp luật.

Tại phiên toà chị Lương Thị T không có đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát và nguyên đơn đề nghị HDXX tiếp tục phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] ***Về thủ tục tố tụng:*** Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn C, có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Bị đơn anh Lương Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các loại văn bản tố tụng liên quan đến vụ án và Quyết định đưa vụ

án ra xét xử nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt có lý do (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe) nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng pháp luật.

[2] ***Về nội dung tranh chấp:***

Về hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn C, tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2001, do hạn chế về hiểu biết pháp luật, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nên quan hệ này không được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng giữa anh chị với nhau. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình thì Lương Thị T và anh Lương Văn C đủ điều kiện kết hôn với nhau, nhưng do mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được và anh chị đã sống ly thân với nhau thời gian dài, từ năm 2018 cho đến nay nên Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ giữa Lương Thị T và anh Lương Văn C không có khả năng đoàn tụ, không cần thiết hướng dẫn cho anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật. Vì vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Lương Thị T và anh Lương Văn C.

Về con chung: Chị Lương Thị và anh Lương Văn C đều xác nhận, trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị có với nhau 02 người con chung: Cháu đầu tên là: Lương Văn L. Giới tính: Nam. Sinh ngày 23/8/2002. Cháu thứ 2 tên là: Lương Thị L1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 24/10/2008. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện tại cháu Lương Thị L1 đang sống cùng vợ chị T tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Còn cháu Lương Văn L đang sống cùng anh C tại Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Theo ý kiến của cháu Lương Văn L cháu có nguyện vọng xin được ở với bố cháu (anh Lương Văn C). Theo ý kiến của cháu Lương Thị L1 cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu (chị Lương Thị T). Chị T và anh C đều có ý kiến chung, thống nhất giao cháu Lương Văn L cho anh Lương Văn C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, cháu Lương Thị L1 giao cho chị Lương Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ và không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] ***Về tài sản và nghĩa vụ chung:*** Chị Lương Thị T và anh Lương Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh, chị có yêu cầu sẽ giải quyết việc phân chia tài sản bằng vụ án khác.

[4] ***Về án phí và quyền kháng cáo***: căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì

chị T (nguyên đơn) là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí theo quy định.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, 14, 15, 16, 69, 70, 71; 81; 82; 83; 84 và Điều 72 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 3 Điều 144; điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lương Thị T và anh Lương Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của chị Lương Thị T và anh Lương Văn C cùng ý kiến của các cháu Lương Văn L và Lương Thị L. Cụ thể như sau: Giao cháu Lương Văn L. Giới tính: Nam. Sinh ngày 23/8/2002 cho anh Lương Văn C là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Lương Thị L1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 24/10/2008 cho chị Lương Thị T là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L1 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T và anh C chưa yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung của trong vụ án này.

Anh C, chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản anh, chị thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị Lương Thị T được miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình. Hiện tại chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Vì vậy chị Lương Thị T được nhận lại số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003318, ngày 04 tháng 10 năm 2019; Anh Lương Văn C không phải chịu án phí theo quy định.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt Nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn; vắng mặt Bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt Bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Ký Lê Văn Hiếu Ngô Công Tuấn